

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA B NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2023/HS-PT  
Ngày 14 tháng 9 năm 2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA B NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Quách Tố Giang.

*Các Thẩm phán:* ông Lê Thanh Hoàng, ông Nguyễn Ngọc Tuấn.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Ngô Huỳnh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Thành Năng – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 179/2023/TLPT-HS ngày 22/8/2023, đối với các bị cáo A và B, do có kháng cáo của các bị cáo A và B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2023/HS-ST ngày 13/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

1. **A**, sinh năm 1964, tại huyện P, tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ 14, khóm Trung 1, thị trấn M, huyện P, tỉnh An Giang; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; trình độ học vấn: không biết chữ; nghề nghiệp: làm thuê; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1930 (chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1934 (chết); có vợ Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1974; anh, em ruột có 05 người, bị cáo là người thứ ba; nhân thân: từ nhỏ sống chung với gia đình tại khóm Trung 1, thị trấn M, làm thuê phụ giúp gia đình; ngày 12/9/1982, bị Công an tỉnh An Giang quyết định đưa đi cưỡng bức lao động, thời hạn 02 năm do có hành vi “*Trộm cắp tài sản của công dân*”, đã chấp hành xong quyết định; ngày 21/11/1988, bị Tòa án nhân dân huyện P xử phạt 03 năm 10 tháng tù giam, về tội “*Trộm cắp tài sản của công dân*” và “*Trốn khỏi nơi giam*”; ngày 16/10/1993, bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt 07 năm 17 ngày tù giam, về tội “*Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa*”; ngày 28/6/1999, bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt 05 năm tù giam, về tội “*Trộm cắp tài sản của công dân*” và “*Xuất nhập cảnh trái phép*”. Đến ngày 28/01/2000, trong thời gian đang chấp hành án, A bỏ trốn và bị bắt truy nã vào ngày 01/02/2000; ngày 24/3/2000, bị Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xử phạt

03 năm tù giam về tội “*Trốn khỏi nơi giam*” và 03 năm 02 tháng 10 ngày còn lại của bản án trước (Bản án ngày 28/6/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang), tổng hợp hình phạt chung cho cả hai bản án là 06 năm 02 tháng 10 ngày tù giam; ngày 04/6/2013, bị Tòa án nhân dân huyện P xử phạt 06 tháng tù giam, về tội “*Trộm cắp tài sản*”; ngày 29/5/2019, bị Công an huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp quyết định xử phạt hành chính, bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng, do có hành vi “*Đánh bạc trái phép được, thua bằng tiền*”, đã chấp hành xong quyết định. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/01/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **B**, sinh năm 1985, tại huyện P, tỉnh An Giang; nơi cư trú: khóm Trung Thạnh, thị trấn M, huyện P, tỉnh An Giang; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; trình độ học vấn: lớp 3/12; nghề nghiệp: làm thuê; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1960 và bà S, sinh năm 1958; có vợ Phạm Thị Cẩm X, sinh năm 1999 và 01 con Nguyễn Phạm Ngọc V, sinh năm 2019; anh, em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ ba; nhân thân: từ nhỏ sống chung với gia đình tại khóm Trung Thạnh, thị trấn M, huyện P, học hết lớp 03 nghỉ, làm thuê phụ giúp gia đình; ngày 05/4/2007, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù giam, về tội “*Cướp giật tài sản*”; ngày 17/6/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xử phạt 03 năm 06 tháng tù giam, về tội “*Cướp giật tài sản*”. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/01/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị C, sinh năm 1999; nơi cư trú: khóm Thượng 3, thị trấn M, huyện P, An Giang.

2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1963; nơi cư trú: khóm Thượng 3, thị trấn M, huyện P, An Giang.

- *Người làm chứng, người chứng kiến:*

1. Bà S, sinh năm 1958;

2. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1954;

3. Ông Phạm Tuấn H, sinh năm 1967;

4. Ông Đinh Văn M, sinh năm 1952;

5. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1964.

(Trong vụ án, các bị cáo kháng cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 15 phút ngày 11/01/2023, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân tại chỗ ở của A thuộc khóm Trung 1, thị trấn M, huyện P, có nhiều người tụ tập nghi vấn hoạt động phạm tội về ma túy. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế và Ma túy - Công an huyện P phối hợp Công an thị trấn M, huyện P, tiến hành kiểm tra phát hiện A và B, ngụ khóm Trung Thanh đang trong phòng ngủ nhà của A; đồng thời phát hiện trên nệm trong phòng ngủ có dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy và nhiều đồ vật khác có liên quan. Bên ngoài còn có C, sinh năm 1999, ngụ khóm Thượng 3, thị trấn M, huyện P. Lực lượng kiểm tra phát hiện trong túi áo bên trái phía trước của A có 01 bọc nylon chứa 12 bọc nylon nhỏ trong suốt có chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy được hàn kín; kiểm tra trên người của B và C thu giữ đồ vật khác có liên quan nên lực lượng tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với A và B.

Qua làm việc xác định được như sau: Vào khoảng 08 giờ ngày 10/01/2023, B đi xe khách “*Mai Thảo*” từ thị trấn M, huyện P đến Bệnh viện 115 thuộc địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh để khám bệnh. Khi khám bệnh xong, B đến thăm mẹ ruột (S) đang làm thuê tại quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, bà S cho B số tiền 1.000.000 đồng. Sau đó, B đến khu vực bến xe quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh điện thoại cho người nam tên Phương (không rõ họ, địa chỉ cụ thể) để nhờ Phương mua 1.000.000 đồng ma túy đá để sử dụng. Phương đồng ý và đến gặp B lấy 1.000.000 đồng để đi mua ma túy. Khoảng 20 phút sau, Phương điều khiển xe mô tô trở lại đưa cho B 01 bọc nylon trong suốt được hàn kín, bên trong chứa 13 bọc ma túy đá. Sau khi nhận ma túy, B cất giấu trong túi quần bên phải rồi đi xe khách về đến nhà vợ là Phạm Thị Cẩm X thuộc khóm Trung 1, thị trấn M ngủ qua đêm.

Đến khoảng 06 giờ ngày 11/01/2023, B điều khiển xe mô tô biển số 67K1 - 807.15 đến nhà của A thuộc tổ 14, khóm Trung 1, thị trấn M. Tại đây, B đưa cho A bọc ma túy nhờ cất giữ để sử dụng chung. A đồng ý, lấy bọc ma túy đem vào phòng ngủ cất giấu, còn B điều khiển xe chạy đi. Khoảng 20 phút sau, B trở lại vào phòng ngủ của A nằm. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, B kêu A lấy ma túy để sử dụng. A lấy bọc ma túy đưa cho B để ra đếm tổng cộng là 13 bọc nylon trong suốt được hàn kín, bên trong chứa ma túy đá và nói với A mua với giá là 1.000.000 đồng. Do không có dụng cụ sử dụng ma túy nên B mở cốp xe lấy nỏ thủy tinh, còn A đi ra trước nhà lấy vỏ chai nước ngọt bằng nhựa đưa cho B để làm dụng cụ sử dụng ma túy. Lúc này, B lấy 01 bọc ma túy cùng với A sử dụng. Còn 12 bọc ma túy B để trên nệm trong phòng ngủ của A. Khi cả hai sử dụng ma túy được khoảng 10 phút, C, sinh năm 1999, ngụ khóm Thượng 3, thị trấn M đến nhà A chơi. Biết được A và B đang sử dụng ma túy nên C đi vào phòng cùng sử dụng chung. Lúc này, lực lượng Công an đến kiểm tra bắt quả tang cả ba đang sử dụng trái phép chất ma túy. Sợ bị phát hiện, B lấy 12 bọc ma túy đá giấu trong túi áo bên trái phía trước và bị phát hiện thu giữ.

Kết luận giám định số 10/KL-KTHS(MT-GT) ngày 16/01/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang xác định: Mẫu M gửi đến giám định là ma túy, loại: Methamphetamine, có khối lượng 1,3006 gam.

Ngày 19/01/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện P khởi tố vụ án, khởi tố bị can, tạm giam A và B để điều tra, xử lý.

Quá trình điều tra, còn phát hiện A và B có những lần thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Lần 1: Ngày 05/01/2023, B cũng nhờ người thanh niên tên Phương mua 500.000 đồng ma túy đá để sử dụng. Khoảng 18 giờ cùng ngày, B đem số ma túy đá cùng dụng cụ dùng để sử dụng chất ma túy đến nhà A, cả hai vào phòng ngủ sử dụng. Số ma túy đá còn lại, B cất giấu để sử dụng tiếp.

Lần 2: Đến khoảng 18 giờ 30 phút ngày 08/01/2023, B tiếp tục đến nhà A lấy ma túy và dụng cụ dùng để sử dụng ma túy, cùng với A vào phòng ngủ sử dụng. Số ma túy đá còn lại, B cất giấu để tiếp tục sử dụng.

Lần 3: Khoảng 17 giờ ngày 09/01/2023, B tiếp tục đến nhà A lấy ma túy và dụng cụ dùng để sử dụng ma túy để sử dụng. Cùng lúc này có C đến. Cả ba cùng vào phòng ngủ sử dụng trái phép chất ma túy.

Tại Cáo trạng số 28/CT-VKS-PT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện P để xét xử bị cáo A về các tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 249 và khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự; xét xử bị cáo B về các tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 249 và khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

*Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2023/HS-ST ngày 13/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện P đã quyết định:*

Tuyên bố bị cáo A phạm các tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, bị cáo B phạm các tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm b, d khoản 2 Điều 256, điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 55, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo A 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt của 02 tội là 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 11/01/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo A.

2. Căn cứ vào điểm c khoản 1/ Điều 249, điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 55, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo B 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức việc sử dụng trái

phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt của 02 tội là 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 11/01/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo B.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/7/2023, bị cáo A, bị cáo B kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo B tự nguyện rút kháng cáo, bị cáo A vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

*Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử:*

Về hình thức: đơn kháng cáo của các bị cáo có nội dung, yêu cầu rõ ràng, gửi trong hạn luật định nên đủ cơ sở để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Kết luận giám định số 10/KL-KTHS(MT-GT) ngày 16/01/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang xác định Mẫu M gửi đến giám định là ma túy, loại: Methamphetamine, có khối lượng 1,3006 gam. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, vật chứng có trong hồ sơ vụ án, đã đủ căn cứ chứng minh: sau khi mua ma túy, B đã đem đến nhà A để tàng trữ và sử dụng. B có hành vi cung cấp ma túy, tổ chức cho A sử dụng ma túy 04 lần, C sử dụng ma túy 02 lần. A sử dụng chỗ ở cho B sử dụng ma túy 04 lần, C sử dụng ma túy 02 lần. Hành vi của bị cáo A đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Hành vi của bị cáo B đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Tòa án sơ thẩm xét xử các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật, đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, tổng hợp hình phạt, xử phạt 09 năm tù là tương xứng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Giai đoạn phúc thẩm, bị cáo B rút kháng cáo nên đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm.

Bị cáo A kháng cáo nhưng không cung cấp tình tiết mới nên không có cơ sở xem xét.

Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2023/HS-ST ngày 13/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 342, Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo B; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo A, áp dụng điểm c khoản 1 Điều

249, điểm b,d khoản 2 Điều 256, điểm r,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 55, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo A 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, 07 (bảy) năm 06(sáu) tháng tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt của 02 tội là 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 11/01/2023.

Bị cáo A không tranh luận và không nói lời sau cùng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: phiên tòa sơ thẩm xét xử và tuyên án vào ngày 13/7/2023, ngày 17/7/2023 các bị cáo A và B kháng cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo kháng cáo trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt, nhưng đã có lời khai rõ ràng trong hồ sơ vụ án, không liên quan đến kháng cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai nhận tội của các bị cáo A, B phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, người chứng kiến và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 11/01/2023, biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 11/01/2023, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 18/01/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, Kết luận giám định số 10/KL-KTHS(MT-GT) ngày 16/01/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang. Từ đó, có đủ cơ sở kết luận:

A và B đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với khối lượng 1,3006 gam ma túy loại Methamphetamine. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

A có hành vi nhiều lần dùng chỗ ở của mình cho B sử dụng ma túy 04 lần và C sử dụng ma túy 02 lần. Do đó, hành vi của A đã phạm vào tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b,d khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự.

B có hành vi nhiều lần cung cấp ma túy cho A sử dụng ma túy 04 lần và C sử dụng 02 lần. Do đó, hành vi của B đã phạm vào tội “Tổ chức việc sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm a,b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện P xét xử bị cáo A về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”; bị cáo B về tội

“Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức việc sử dụng trái phép chất ma túy” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo B rút kháng cáo. Xét thấy, việc rút kháng cáo của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, nên chấp nhận và căn cứ khoản 1 Điều 342, Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo B.

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo A:

Xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét việc bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự thú lần phạm tội trước; có học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Từ đó, xử phạt bị cáo A 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt của 02 tội là 09 (chín) năm tù. Đây là mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp tình tiết mới để xem xét nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo như ý kiến Viện kiểm sát.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo A phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

[4] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2023/HS-ST ngày 13/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 342, Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo B.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo A.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2023/HS-ST ngày 13/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang

Tuyên bố bị cáo A phạm các tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm b, d khoản 2 Điều 256, điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 55, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo A 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt của 02 tội là 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (11/01/2023).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo A.

Bị cáo A phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2023/HS-ST ngày 13/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP. HCM (1);
- VKSND tỉnh An Giang (2);
- VKSND huyện P (1);
- TAND huyện P (2);
- CQĐT - CA huyện P (1);
- Chi cục THADS huyện P (1);
- Bị cáo (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Phòng Hồ sơ CA An Giang;
- Phòng KTNV và THA (1);
- Tòa Hình sự (1);
- Văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Quách Tổ Giang**